

Callsign	Fac ID	Ch#	Bearing	Dist	Prot	Clearance	Status	ERP	Type	ARN	City	Class	Sep Type	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Adj	Matrix	Svc Contox	Svc dBu	Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	
K11VJ	129006	11 Z	289.33	201.9	245	111.7	Clear		0.01 LIC	BLTVL200	LAWTON	LP NTSC	C/M		45	0	6	0 VHI	Co	LR	F(50,50)	68 F(50,10)	23 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KDSA-LP	15873	11 +	329.31	167.4	245	112.2	Clear		0.8 LIC	BLTVL200	NORMAN A	NTSC	C/M		28	0	6	0 VHI	Co	LR	F(50,50)	68 F(50,10)	40 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KDSA-LP	15873	11 +	329.33	167.6	245	116.6	Clear		1.9 CP	BPTVA20X	WOODWARD	NTSC	C/M		28	0	6	0 VHI	Co	LR	F(50,50)	68 F(50,10)	40 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KLTV-DT	68540		145.53	194.8	245	95.5	Clear		15 LIC	BLCDT20X	TYLER	DTV	C/M		-49	14	6	2 VHI	A-1	LR	F(50,90)	36 F(50,10)	85 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KLTV-TV	124955		145.53	194.8	245	101.3	Clear		7 APP	BPRM200X	TYLER	DTV RM	C/M		-49	14	6	3 VHI	A-1	LR	F(50,90)	36 F(50,10)	85 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KOED-TV	66195	11 -	16	235.2	245	43.1	Clear		316 LIC	BLET1985	TULSA	NTSC	C/M		28	0	6	2 VHI	Co	LR	F(50,50)	56 F(50,10)	28 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KSWO	136518		277.34	215.4	245	42.3	Clear		138 LIC	BPRM200X	LAWTON	DTV RM	C/M		2	14	6	2 VHI	Co	LR	F(50,90)	36 F(50,10)	34 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KSWO-DT	35645		277.34	215.4	245	62.9	Clear		13.49 LIC	BDSTA20X	LAWTON	DTV STA	C/M		2	14	6	0 VHI	Co	LR	F(50,90)	36 F(50,10)	34 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KSWO-DT	35645		277.34	215.4	245	42.3	Clear		138 CP MOD	BMPCDT2	LAWTON	DTV	C/M		2	14	6	2 VHI	Co	LR	F(50,90)	36 F(50,10)	34 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KTEN	35666	10 +	339.98	43.8	245	-72.5	Clear		316 LIC	BLCT1984	ADA	NTSC	C/M		-13	0	6	2 VHI	A-1	LR	F(50,50)	56 F(50,10)	71	0.00%	0.00%	406079	406079	406079		
KTHV	2787	11 Z	74.77	368.6	245	100.5	Clear		316 LIC	BMLCT20X	LITTLE ROCK	NTSC	C/M		45	0	6	2 VHI	Co	LR	F(50,50)	56 F(50,10)	11 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KTRE	68541		151.98	322.4	245	174.7	Clear		9.2 APP	BDSTA20X	LUFKIN	DTV STA	C/M		2	14	6	3 VHI	Co	LR	F(50,90)	36 F(50,10)	34 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KTRE-DT	68541		151.99	322.4	245	173	Clear		10 LIC	BLCDT20X	LUFKIN	DTV	C/M		2	14	6	3 VHI	Co	LR	F(50,90)	36 F(50,10)	34 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KTRE-TV	124949		151.99	322.4	245	189	Clear		9.25 APP	BPRM200X	LUFKIN	DTV RM	C/M		2	14	6	3 VHI	Co	LR	F(50,90)	36 F(50,10)	34 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KTVT	23422	11 -	198.41	165.2	245	50.8	Clear		122.6 CP	BXPCT20X	FORT WORTH	NTSC	AU/C/M		28	0	6	2 VHI	Co	LR	F(50,50)	68 F(50,10)	40 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KTVT	23422	11 -	198.42	165.2	245	-23.1	Interf		316 LIC	BMLCT20X	FORT WORTH	NTSC	C/M		28	0	6	2 VHI	Co	LR	F(50,50)	56 F(50,10)	28	0.00%	0.00%	5372421	5372421	5370804		0.00%
KUOK-CA	15873	11 +	327.89	181.7	245	122.5	Clear		1.5 APP	BSTA2007	NORMAN A	NTSC	C/M		28	0	6	0 VHI	Co	LR	F(50,50)	68 F(50,10)	40 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			
KXII	35954	12 -	277.48	37.5	245	-82.2	Clear		224 LIC	BLCT1984	SHERMAN	NTSC	C/M		-3	0	6	2 VHI	A+1	LR	F(50,50)	56 F(50,10)	71	0.00%	0.00%	784710	784710	784710		
NEW	130929	11 Z	207.61	14.7	245	-90.2	Overlap		0.5 APP	BNPTVL2X	DENISON	LP NTSC	C/M		45	0	6	0 VHI	Co	LR	F(50,50)	68 F(50,10)	23 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C		Call Sign	
NEW	130257	11 Z	115.26	85.6	245	-32.1	Overlap		1 APP	BNPTVL2X	PARIS	LP NTSC	C/M		45	0	6	0 VHI	Co	LR	F(50,50)	68 F(50,10)	23 N/C	N/C	N/C	N/C	N/C			